TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 137/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/10/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Hồng Phượng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiền
Bà Nguyễn Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 419/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp J, xã M, huyện C, tỉnh T.
Bị đơn: Anh **Trần Quốc B**, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp J, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày: Chị và anh Trần Quốc B tổ chức đám cưới năm 1999, không có đăng ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, về nhà kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập chị nhiều lần, làm cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh B không thay đổi nên chị và anh B sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc B.

Con chung: Có 01 cháu tên Trần Phạm T, sinh ngày 10/01/2001, đã thành niên và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tại văn bản thỏa thuận chia tài sản chung chị Phạm Thị Thu H đồng ý để lại phần đất thửa số 211, tờ bản đồ số 30, diện tích 2.900m^2 và căn nhà trên đất, kết cấu mái ngói, vách tường, nền gạch bông, chiều ngang 9m, chiều dài 15m, tọa lạc Ấp J, xã M, huyện C, tỉnh T, trị giá khoảng 50.000.000

đồng cho anh Trần Quốc B và con trai là Trần Phạm T, sinh ngày 10/01/2001 sở hữu, sử dụng chung.

Chị quản lý, sử dụng chiếc xe biển số kiểm soát 63P1-056.35 trị giá 20.000.000 đồng, giao 02 chiếc xe biển số kiểm soát 63B2 144.39 trị giá 3.000.000 đồng và chiếc xe biển số kiểm soát 63M1 5820 trị giá 5.000.000 đồng cho anh B quản lý, sử dụng.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Quốc B trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị H.

Con chung: Có 01 cháu tên Trần Phạm T, sinh ngày 10/01/2001 đã thành niên và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Anh Trần Quốc B thống nhất để lại phần đất thửa số 211, tờ bản đồ số 30, diện tích 2.400m^2 và căn nhà trên đất, kết cấu mái ngói, vách tường, nền gạch bông, chiều ngang 9m, chiều dài 15m, tọa lạc Ấp J, xã M, huyện C, tỉnh T, trị giá khoảng 50.000.000 đồng cho anh Trần Quốc B và con trai là Trần Phạm T, sinh ngày 10/01/2001 sở hữu, sử dụng chung.

Giao chiếc xe biển số 63P1 056.35 trị giá 20.000.000 đồng cho chị Phạm Thị Thu H sở hữu, anh Trần Quốc B nhận 02 chiếc xe biển số 63B2-144.39 trị giá 3.000.000 đồng và xe biển số 63M1-5820 trị giá 5.000.000 đồng.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Thu H có đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc B theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn". Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị H khai do anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, về nhà kiếm chuyện chửi mắng và đánh đập chị nhiều lần, làm cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh B không thay đổi nên chị và anh B sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cương quyết xin ly hôn, còn anh B cũng đồng ý vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên không hàn gắn, đoàn tụ được. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì nam nữ sống chung với nhau, nếu đủ điều kiện đăng ký kết hôn thì phải đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Mặc dù, chị H và anh B đã xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1999, chung sống với nhau trong khoảng

thời gian dài, có đủ điều kiện nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị Phạm Thị Thu H và anh Trần Quốc B là vợ chồng.

[3] Con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Phạm T, sinh ngày 10/01/2001, hiện đã thành niên và lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh B đã tự thỏa thuận và yêu cầu Tòa án công nhận phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau: Giao phần đất thửa số 211, tờ bản đồ số 30, diện tích 2.400m^2 và căn nhà cất trên phần đất, kết cấu mái ngói, vách tường, nền gạch bông, chiều ngang 9m, chiều dài 15m, tọa lạc Ấp J, xã M, huyện C, tỉnh T cho anh Trần Quốc B và cháu Trần Phạm T sở hữu, sử dụng chung.

Giao chiếc xe biển số kiểm soát 63P1-056.35 (trị giá 20.000.000 đồng) cho chị H được quyền sở hữu.

Giao 02 chiếc xe biển số kiểm soát 63B2-144.39 (trị giá 3.000.000 đồng) và chiếc xe biển số kiểm soát 63M1-5820 (trị giá 5.000.000 đồng) cho anh B được quyền sở hữu.

Xét thấy, sự thỏa thuận của chị H và anh B hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Nợ chung: Anh chị thống nhất không có.

[6] Án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a và d khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu H và anh Trần Quốc B được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a và d khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Thu H và anh Trần Quốc B là vợ chồng.

2. Tài sản chung: Giao phần đất thửa số 211, tờ bản đồ số 30, diện tích 2.900m^2 và căn nhà trên đất, kết cấu mái ngói, vách tường, nền gạch bông, chiều ngang 9m, chiều dài 15m, tọa lạc Ấp J, xã M, huyện C, tỉnh T cho anh Trần Quốc B và cháu Trần Phạm T sở hữu, sử dụng chung.

Giao chiếc xe biển số kiểm soát 63P1-056.35 cho chị Phạm Thị Thu H sở hữu.

Giao 02 chiếc xe biển số kiểm soát 63B2-144.39 và xe biển số kiểm soát 63M1-5820 cho anh Trần Quốc B sở hữu.

3. Án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 1.900.000 (Một triệu, chín trăm ngàn) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17000, 17001 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị Phạm Thị Thu H được nhận lại 1.600.000 (Một triệu, sáu trăm ngàn) đồng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Phượng